|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị báo cáo: ……………………..****Địa chỉ: ………………………………..** | **Mẫu số B09 - HTX***(Kèm theo Thông tư số 71/2024/TT-BTC ngày 07* *tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)* |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm...*

**I. Đặc điểm hoạt động của HTX**

1. Lĩnh vực kinh doanh.

2. Ngành nghề kinh doanh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày..../..../.... kết thúc vào ngày …/…/…).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

**III. Chế độ kế toán áp dụng**

Nêu rõ số hiệu, tên văn bản áp dụng Chế độ kế toán

**IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính**

*Đơn vị tính: ………..*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tiền**- Tiền mặt- Tiền gửi ngân hàng**Cộng** | Cuối năm……… | Đầu năm……… |
| **2. Các khoản đầu tư tài chính**- Tiền gửi có kỳ hạn;- Đầu tư tài chính khác.(Chi tiết các khoản đầu tư tài chính khác) | Cuối năm…… | Đầu năm…… |
| **3. Các khoản phải thu**(Chi tiết theo yêu cầu quản lý)**Cộng** | Cuối năm…… | Đầu năm…… |
| **4. Phải thu của hoạt động cho vay nội bộ*****- Phải thu về gốc cho vay***( Trong đó:+ Cho vay trong hạn+ Quá hạn+ Khoanh nợ***- Phải thu về lãi cho vay*** | Cuối năm………………… | Đầu năm………………… |
| **5. Hàng tồn kho:**- Hàng mua đang đi đường;- Vật liệu, dụng cụ;- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;- Thành phẩm, hàng hóa;- Hàng gửi bán.**Cộng** | Cuối năm………… | Đầu năm………… |
| **6. Tài sản cố định**- Nguyên giá- Giá trị hao mòn lũy kế**7. Tài sản chung không chia**(chi tiết theo từng loại tài sản chung không chia) | Cuối năm……… | Đầu năm……… |
| **8. Phải trả của hoạt động tín dụng nội bộ (\*)**- Phải trả từ hoạt động đi vay của thành viên + Phải trả về gốc vay+ Phải trả về lãi vay- Phải trả hoạt động tín dụng nội bộ khác | Cuối năm………… | Đầu năm………… |
| **9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**(Chi tiết theo từng loại thuế)**Cộng** | Đầu năm…… | Số phải nộp trong năm…… | Số đã thực nộp trong năm…… | Cuối năm…… |
| **10. Phải trả khác**(Chi tiết theo yêu cầu quản lý)Trong đó: số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng (\*\*)**Cộng** | Cuối năm……….… | Đầu năm………… |
| **11. Quỹ chung không chia**(Chi tiết theo từng loại quỹ chung không năm chia và nguồn hình thành tài sản chung không chia) | Đầu năm… | Số đã sử dụng… | Số đã trích… | Cuối năm… |
| **12. Thuyết minh thông tin về các TK ngoài bảng (loại 0)**- Tài sản thuê ngoài- Vật tư, hàng hóa, TSCĐ nhận giữ hộ, nhận gia công- Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi- Nợ khó đòi đã xử lý- Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng- Tài sản đảm bảo khoản vay- Ngoại tệ các loại- Lãi cho vay quá hạn khó có khả năng thu được | Cuối năm………… | Đầu năm………… |

**13. Các thông tin khác do HTX tự thuyết minh, giải trình**

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

*Đơn vị tính: .............*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***1. Doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh***- Doanh thu của giao dịch nội bộ (Chi tiết từng loại doanh thu của giao dịch nội bộ)- Doanh thu của giao dịch bên ngoài***2. Giá vốn hàng bán***- Chi phí của giao dịch nội bộ (Chi tiết từng loại chi phí của giao dịch nội bộ)- Giá vốn hàng bán của giao dịch bên ngoài***3. Các khoản giảm trừ doanh thu***- Chiết khấu thương mại;- Giảm giá hàng bán;- Hàng bán bị trả lại***4. Chi phí quản lý kinh doanh***(Chi tiết nội dung chi phí hoặc các yếu tố chi phí theo yêu cầu quản lý) | Năm nay………………………… | Năm trước………………………… |

**VI. Những thông tin khác mà HTX cần thuyết minh....**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, họ tên)* | **KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)* | *Lập, ngày ..... tháng ..... năm ......***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** *Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.*

*(\*) Chỉ tiêu này chỉ dùng cho các HTX còn các hợp đồng TDNB ký trước 01/9/2023 và đang còn hiệu lực, các HTX không còn hợp đồng TDNB thì không phải trình bày chỉ tiêu này).*

(\*\*) *Chỉ tiêu này chỉ dùng cho các HTX đang còn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, các HTX không có số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng thì không phải trình bày chỉ tiêu này).*